

Số: 475 /BC-CLM

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2026

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN
NĂM 2025**

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100100304, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 11/08/2025 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp.
- Vốn điều lệ: 110.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 110.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 47 Quang Trung, phường Cửa Nam, Hà Nội
- Số điện thoại: 024 39424634 - Số fax: 024 39422350
- Website: www.coalimex.vn
- Mã cổ phiếu: CLM
- Quá trình hình thành và phát triển:
 - o Công ty được thành lập từ ngày 01/01/1982 trên cơ sở chuyển Công ty Vật tư trực thuộc Bộ Điện Than thành Công ty Xuất nhập khẩu Than và Cung ứng Vật tư “Coalimex” (trực thuộc Bộ Mỏ và Than, sau đó trực thuộc Bộ Năng lượng).
 - o Ngày 01/12/2004, Bộ Công nghiệp có Quyết định số 149/QĐ-BCN chuyển Công ty Xuất nhập khẩu và Hợp tác quốc tế thành Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam (Coalimex) nay là Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex), trong đó: vốn điều lệ của Công ty là 20 tỷ đồng, Nhà nước (Tổng công ty Than Việt Nam nay là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam) chiếm 59% cổ phần chi phối.
 - o Ngày 14/01/2005, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam, thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty, thông qua phương án kinh doanh của Công ty cổ phần.
 - o Ngày 25/01/2005, Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu cho Công ty số 0103006588.

- Ngày 06/11/2008, Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Công ty tại Giấy chứng nhận số 350/UBCK-GCN.
 - Ngày 26/12/2008, Công ty hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 lên 48.275.600.000 đồng; Theo đó tỷ lệ vốn của Doanh nghiệp Nhà nước (Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam) tại Công ty thay đổi từ 59% thành 55% vốn điều lệ.
 - Tháng 10/2010, Công ty cổ phần Xuất Nhập khẩu Than – Vinacomin (COALIMEX) trở thành tên mới và thương hiệu của Công ty.
 - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đã quyết định tăng vốn điều lệ lên thành 110 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu.
 - Ngày 19/01/2016, Sở GDCKHN chấp thuận niêm yết cổ phiếu của Công ty tại Quyết định 31/QĐ-SGDCKHN; Ngày 15/04/2016, Công ty thực hiện ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu của Công ty niêm yết tại Sở GDCKHN.
- Các giải thưởng, bằng khen tiêu biểu của Công ty
- Huân chương Lao động Hạng Nhì cho CBCNV Công ty vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 1999 – 2003, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (QĐ số 460/2004/QĐ-CTN ngày 26/07/2004 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam).
 - Huân chương Lao động Hạng Ba cho Đảng ủy Công ty vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2001 – 2005, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (QĐ số 800/2006/QĐ-CTN ngày 07/07/2006 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam).
 - Cờ thi đua của Chính phủ vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, dẫn đầu phong trào thi đua 2003 của Tổng Công ty Than Việt Nam (QĐ số 340/QĐ-TTg ngày 07/04/2004 của Thủ tướng Chính phủ).
 - Bằng khen của Bộ Công nghiệp (nay là bộ Công Thương) về thành tích thi đua lao động sản xuất và thực hiện nhiệm vụ công tác các năm 2000, 2001, 2002, 2004, 2005, 2006, 2007.
 - Bằng khen của Bộ Thương mại vì đã có thành tích xuất khẩu xuất sắc trong các năm 2002, 2004, 2005.
 - Bằng khen của Bộ Lao động Thương binh & Xã hội về thành tích xuất sắc trong xuất khẩu lao động năm 2000, bằng khen về hợp tác kinh tế quốc tế năm 2004.
 - Bằng khen của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về thành tích xuất khẩu xuất sắc năm 2001, 2003, 2004 và hoạt động thương mại xuất sắc năm 2006.
 - Công ty được Ủy ban Trung ương Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam trao thưởng danh hiệu “Sao vàng đất Việt” dành cho thương hiệu và sản phẩm tiêu biểu của Việt Nam hội nhập quốc tế năm 2004; được Ủy ban quốc gia về hợp tác quốc tế và Bảo thương mại điện tử tặng thưởng “Doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu xuất sắc năm 2006 – Business Excellence Awards”.

- Huân chương lao động hạng nhì cho Đảng bộ Công ty giai đoạn 2006 – 2010 theo QĐ số 184/QĐ-CTN ngày 21/10/2014 của Chủ tịch nước.
- Huân chương Độc lập hạng Ba cho Công ty giai đoạn 2009 – 2013 theo Quyết định số 2408/QĐ-CTN ngày 26/9/2014 của Chủ tịch nước.
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ đối với Đảng bộ Công ty giai đoạn 2011-2015 theo Quyết định số 1003/QĐ-TTg ngày 02/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ.
- Cờ thi đua của Bộ Công thương năm 2016 theo Quyết định số 4132/QĐ- BCT ngày 31/10/2017.
- Cờ thi đua của Ủy ban quản lý vốn nhà nước (QĐ số 20/QĐ-UBQLV ngày 09/01/2020 của Ủy ban quản lý vốn Nhà nước)
- Cờ Thi đua của Chính phủ đối với Công ty (Quyết định số 2077/QĐ-TTg ngày 11/1/2021 của Thủ tướng Chính phủ) hoàn thành xuất sắc, toàn diện công tác, dẫn đầu phong trào thi đua năm 2020.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1. Xuất nhập khẩu và chế biến kinh doanh than

Lĩnh vực kinh doanh thương mại than của Coalimex bao gồm: xuất khẩu than Việt Nam, nhập khẩu tất cả các loại than trên thế giới, mua than trong nước, có hệ thống kho bãi để dự trữ và chế biến than, vận tải và bán lẻ than đến hộ sử dụng cuối cùng.

Coalimex hiện đang là đơn vị duy nhất thuộc TKV được giao nhiệm vụ xuất khẩu than của TKV. Các thị trường xuất khẩu than của Công ty: Hàn Quốc, Đài Loan, Ấn Độ, Indonesia, Thái Lan, Châu Âu và một số thị trường khác.

Từ cuối tháng 8 năm 2016, Coalimex được Tập đoàn TKV cho phép tham gia vào hệ thống các đơn vị kinh doanh than cuối nguồn của TKV để chế biến và cung cấp than tại địa bàn miền Nam, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Đây là ngành nghề kinh doanh mới hết sức quan trọng, giúp Coalimex hoàn thiện chuỗi hoạt động kinh doanh than. Đến nay, Coalimex đã thành lập 5 trạm chế biến, kinh doanh than tại Hải Phòng, Huế, Tây Ninh và Cần Thơ.

2.2. Nhập khẩu vật tư thiết bị

Các mặt hàng vật tư – thiết bị nhập khẩu chủ yếu hiện nay của Coalimex bao gồm xe tải siêu trọng, máy xúc, máy khoan, lốp đặc chủng, thép chống lò, các loại hóa chất và các loại thiết bị vật tư chuyên dụng khác phục vụ cho các mỏ than, mỏ khoáng sản và tổ hợp bôxít-nhôm của TKV.

Với gần 45 năm kinh nghiệm, có mối quan hệ thân thiết, truyền thống lâu đời với bạn hàng trong nước và quốc tế, Coalimex đang là Nhà phân phối chính thức tại Việt Nam của các Tập đoàn lớn và uy tín của thế giới như: CATERPILLAR, VOLVO, SANDVIK, BRIDGESTONE, YOKOHAMA, SOJITZ, KOMATSU, KAWASAKI, BELAZ, SIBKABEL, KAMKABEL, FAMUR, FASER, WEBER Mining, SNF, SEFAR, v...v...

Các thiết bị vật tư tiêu biểu do Coalimex nhập khẩu như máy combain đào lò tự hành AM-50z, AM-45, máy xúc điện EKG-5, EKG-8I, EKG-10, máy khoan xoay cầu SBSH-250, máy xúc lật hông, máy khoan xúc tự hành TAMROCK, xe tải khung động VOLVO, xe tải siêu trọng CATERPILLAR, KOMATSU, lốp đặc chủng các loại, dàn chống, băng tải dốc, thép chống lò.

Không chỉ nhập khẩu đơn thuần, Coalimex đã kết hợp với Nhà sản xuất Ba Lan, Séc và các đơn vị cơ khí trong nước sản xuất một số thiết bị như: Máy đào lò AM-50z, Máy xúc EKG-5, EKG-10, giàn chống tự hành, đèn thợ mỏ...

2.3. Các ngành nghề kinh doanh khác

Thông qua mối quan hệ quốc tế bền vững và khả năng quản trị, Coalimex còn mở rộng phát triển kinh doanh trong các lĩnh vực khác như: kinh doanh địa ốc và văn phòng cho thuê (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất); tư vấn, môi giới bất động sản; dịch vụ vận tải hàng hóa; tư vấn du học nước ngoài; hoạt động xuất khẩu lao động.

Các ngành này chủ yếu được Công ty triển khai và phát triển trong phạm vi thị trường nội địa, nhằm đáp ứng nhu cầu trong nước và tối đa lợi thế kinh doanh của Công ty. Mức tăng trưởng của các ngành nghề kinh doanh này đã mang về lợi nhuận ổn định cho Công ty.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

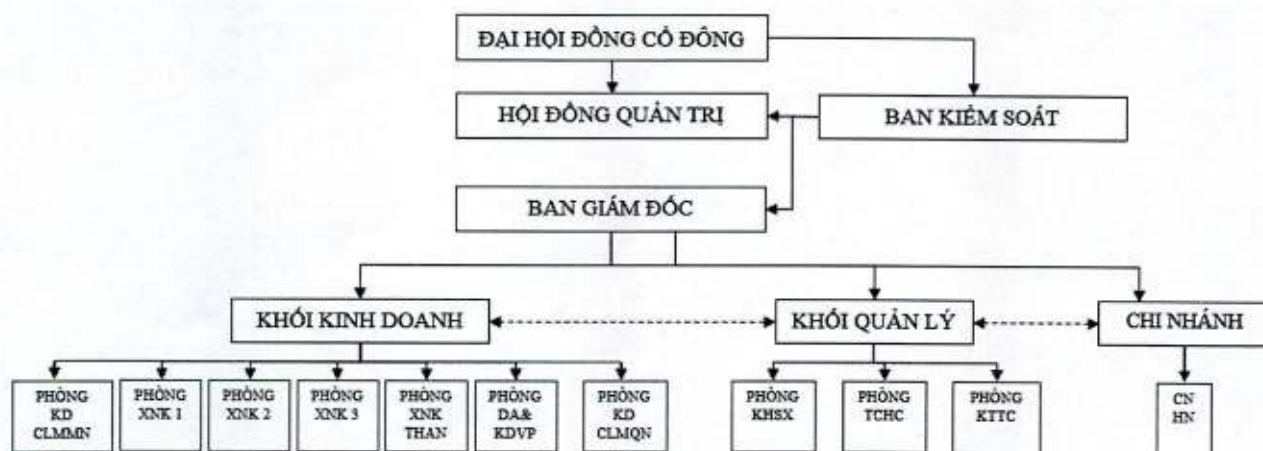
3.1. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị: 05 thành viên, gồm: 01 Chủ tịch và 04 thành viên
- Ban kiểm soát: 03 thành viên, gồm: 01 Trưởng ban và 02 thành viên
- Giám đốc Công ty.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

- Ban giám đốc;
- Các phòng Kinh doanh Xuất nhập khẩu;
- Các phòng Quản lý;
- Chi nhánh trực thuộc: Chi nhánh tại Hà Nội

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY



3.3. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển

4.1. Mục tiêu dài hạn

Công ty định hướng phát triển theo nguyên tắc **đảm bảo an toàn và đổi mới** nhằm đạt được mục tiêu tăng trưởng bền vững và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Công ty cam kết **mở rộng quy mô hoạt động** song song với việc **nâng cao chất lượng dịch vụ và sản phẩm**, từng bước xây dựng Công ty ngày càng lớn mạnh và có sức cạnh tranh cao trên thị trường.

Bên cạnh lĩnh vực xuất nhập khẩu than, công ty sẽ **phát triển kinh doanh đa ngành nghề**, tận dụng tối đa tiềm năng và cơ hội từ thị trường, cũng như các mối quan hệ quốc tế bền chặt để gia tăng giá trị và mở rộng lĩnh vực hoạt động.

Để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh ngày càng gia tăng, công ty sẽ **không ngừng tăng cường nguồn vốn**, tối ưu hóa việc sử dụng tài chính nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững trong dài hạn.

4.2. Mục tiêu trung hạn (giai đoạn 2025 – 2030)

Tiếp tục nâng cao vai trò lãnh đạo của Hội đồng quản trị, năng lực, hiệu quả điều hành của bộ máy lãnh đạo, quản lý, quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu “An toàn - Đoàn kết – Trí tuệ - Thành công”.

Công ty tiếp tục hoạt động theo hướng kinh doanh mở rộng: Thương mại – Đầu tư – Dịch vụ. Trong giai đoạn 2025 -2030 trên cơ sở kế thừa và phát huy những thành quả đạt được, Công ty tiến hành mở rộng phát triển sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo tỷ lệ cổ tức hợp lý, thu nhập người lao động ổn định.

4.3. Phương hướng sản xuất kinh doanh giai đoạn 2025 – 2030

- Bám sát các nghị quyết, kế hoạch, các định hướng về SXKD ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của Tập đoàn để ban hành nghị quyết, kết hợp với các giải pháp điều hành cùng với tăng cường công tác kiểm tra giám sát để đảm bảo các chỉ tiêu kế hoạch phối hợp kinh doanh hằng năm của Công ty.
- Nâng cao vị thế cạnh tranh trong thị trường xuất nhập khẩu than; Xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm của đơn vị là xuất nhập khẩu than, pha trộn chế biến than. Từ đó ưu tiên tập trung nhân lực, trí tuệ, tài chính và thời gian để hoàn thành tốt các nhiệm vụ trọng tâm chủ yếu. Đặc biệt quan tâm vào các lĩnh vực mới, lĩnh vực phức tạp như nhập khẩu than từ Lào, lĩnh vực đang phát triển như chế biến pha trộn than, nhập khẩu than.
- Đẩy mạnh nâng cấp đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị tại kho cảng của các đơn vị tiếp nhận than thuộc Công ty để đảm bảo cung cấp đúng và đủ than theo kế hoạch; đảm bảo an ninh trật tự, an toàn, vệ sinh môi trường tại nơi sản xuất; Đặc biệt cần đưa vào nghiên cứu và triển khai đầu tư các kho bãi pha trộn chế biến than quy mô, bài bản, hiện đại theo định hướng của Tập đoàn.

- Thực hiện chuyển đổi số trong quản trị nội bộ và hoạt động sản xuất kinh doanh chung của Công ty giúp minh bạch và tối ưu hoá hiệu quả công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh, hướng đến năm 2030 Công ty trở thành doanh nghiệp số.
- Tiếp tục sắp xếp lại bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tăng cường ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến; chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, yêu nghề, thạo việc, gắn bó với Công ty;
- Tiếp tục rà soát nhân sự các cấp, cơ cấu hợp lý các đơn vị trực thuộc trong Công ty, đáp ứng yêu cầu cạnh tranh thương mại và tăng hiệu quả SXKD giai đoạn 2025 – 2030.
- Đẩy mạnh phát triển văn hóa doanh nghiệp hiện đại, xứng tầm khu vực, tạo dựng thương hiệu, bản sắc, nâng cao tính cạnh tranh, thúc đẩy sự tăng trưởng của Công ty vì mục tiêu phát triển bền vững.

5. Các rủi ro

5.1. Rủi ro về kinh tế

Năm 2025, kinh tế thế giới tiếp tục phục hồi nhưng còn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất định do căng thẳng địa chính trị, xu hướng điều chỉnh chính sách tiền tệ tại các nền kinh tế lớn và biến động thương mại toàn cầu. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu duy trì ở mức trung bình, trong khi lạm phát có xu hướng hạ nhiệt nhưng chưa hoàn toàn ổn định.

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều diễn biến phức tạp, kinh tế Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ với GDP đạt 8,02%, thuộc nhóm cao nhất trong khu vực Đông Nam Á. Kinh tế vĩ mô tiếp tục duy trì ổn định; lạm phát được kiểm soát trong giới hạn mục tiêu đề ra; các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm. Sự phục hồi bền vững của cả ba động lực tăng trưởng là tiêu dùng nội địa, đầu tư và xuất khẩu đã góp phần tạo nền tảng thuận lợi cho hoạt động sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp trong nước.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế, lãi suất, lạm phát...là những yếu tố cơ bản hình thành nên hệ thống rủi ro kinh tế tác động trực tiếp đến quá trình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Trong tình hình như hiện nay, Công ty chủ trương vận hành linh hoạt với sự biến động của thị trường, chủ động tìm kiếm cách thức huy động các nguồn vốn với chi phí rẻ đồng thời tiết kiệm tối đa chi phí hoạt động nhằm duy trì tính hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5.2. Rủi ro về pháp luật

Rủi ro pháp luật là rủi ro phát sinh từ việc không áp dụng kịp thời, không đúng hoặc do sự thay đổi của các văn bản pháp luật đối với hoạt động của Công ty. Công ty Cổ phần Xuất khẩu than – Vinacomin hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, những thay đổi về pháp luật và môi trường pháp lý đều tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Sau khi Công ty đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thành công, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và các văn bản dưới luật. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh nhiều ngành nghề của Công ty cũng chịu sự chi phối của văn bản các ngành. Luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện, các quy định còn chồng chéo dẫn đến sự bị động của doanh nghiệp trong việc tuân thủ các quy định về quản trị Doanh nghiệp cũng như của Thị trường Chứng khoán.

Để hạn chế những rủi ro do thay đổi các chính sách, quy định của pháp luật, Công ty luôn theo dõi, cập nhật những thay đổi của các văn bản pháp luật đồng thời có kế hoạch tập huấn, cập nhật kiến

thức cho cán bộ nhân viên trong Công ty về các quy định của pháp luật liên quan đến các lĩnh vực tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty và các lĩnh vực khác.

5.3. Rủi ro đặc thù ngành

a. Rủi ro tỷ giá

Biến động tỷ giá ngoại tệ là một trong những nhân tố ảnh hưởng lớn tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Đây là những yếu tố khách quan, phụ thuộc vào các chính sách vĩ mô cũng như những biến động của tình hình kinh tế, chính trị trên thế giới. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đang áp dụng chính sách tỷ giá hối đoái thả nổi có kiểm soát. Đây là chế độ tỷ giá thả nổi có quản lý do NHNN xác định trên cơ sở rổ tiền tệ của các nước có quan hệ thương mại, vay, trả nợ, đầu tư với Việt Nam phù hợp với mục tiêu kinh tế vĩ mô trong từng thời kỳ.

Tỷ giá có tác động rất lớn tới hoạt động xuất khẩu của Việt Nam, nghĩa là doanh thu xuất khẩu của Công ty sẽ tăng trưởng cùng chiều với tỷ giá, còn hoạt động nhập khẩu của Công ty lại chịu tác động ngược chiều. Vì hai lĩnh vực này chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu doanh thu của Công ty và có tác động ngược chiều nhau, nên xét về kết quả cuối cùng thì tác động của tỷ giá lên tổng doanh thu của Công ty không thay đổi đáng kể. Ngoài ra, Công ty có những dự báo và biện pháp thích hợp để giảm thiểu những tác động từ rủi ro tỷ giá trong quá trình kinh doanh như Công ty luôn ký hợp đồng với khách hàng, trong đó quy định rõ điều khoản giá bán vật tư, máy móc sẽ biến động cùng chiều với tỷ giá hối đoái giữa VNĐ và USD.

b. Rủi ro về chính sách

Hoạt động kinh doanh của Coalimex chủ yếu thuộc ngành than, khoáng sản. Do vậy, những thay đổi trong chính sách vĩ mô liên quan đến ngành, những thay đổi trong chính sách, định hướng của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam đều ảnh hưởng đến kế hoạch và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Coalimex.

Với mục tiêu phát triển đa ngành, ngoài hoạt động xuất nhập khẩu vốn là thế mạnh của Công ty, Coalimex đang tập trung khai thác, mở rộng các thị trường giàu tiềm năng như các hoạt động đầu tư và xuất khẩu lao động... nhằm mục đích tối đa hóa lợi nhuận, góp phần hạn chế rủi ro ngành (nếu có) cho Công ty.

Công tác xuất khẩu lao động tuy là lĩnh vực đóng góp nhiều tới sự nghiệp phát triển của Công ty nhưng do liên quan đến con người, phong tục tập quán của từng nước, mặt khác ý thức kỷ luật, chấp hành pháp luật, kỷ luật lao động của người lao động Việt Nam còn chưa cao nên công tác xuất khẩu lao động tiềm ẩn nhiều rủi ro. Điều đó đòi hỏi Công ty phải có chiến lược phát triển nguồn nhân lực thực sự chuyên sâu về các lĩnh vực hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu rủi ro trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

5.4. Rủi ro biến động giá trên thị trường chứng khoán

Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá cổ phiếu sẽ được xác định dựa trên quan hệ cung cầu trên thị trường và chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như: Tình hình hoạt động của Công ty, tình hình Kinh tế - Chính trị - Xã hội, yếu tố tâm lý của nhà đầu tư... Do đó, giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường chứng khoán có khả năng biến động. Ngoài ra, việc thay đổi những quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán cũng có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán của Công ty.

5.5. Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể phải chịu những rủi ro mang tính bất khả kháng khác như hỏa hoạn, thời tiết, thiên tai, dịch họa...có thể gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và hoạt động chung của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

1.1. Các chỉ tiêu chủ yếu trong năm 2025

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2025 (đ/c)	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ % TH/KH hoặc KH (đ/c)
A	Chỉ tiêu về sản lượng					
	- Than xuất khẩu uỷ thác	tấn	200.000		210.769	105%
	- Than nhập khẩu	tấn	6.700.000	4.820.000	4.720.916	98%
	- Than pha trộn	tấn	2.700.000	2.300.000	2.345.795	102%
	- Than tự doanh	tấn	400.000		415.532	104%
	- Than giao nhận	tấn	4.600.000		4.925.368	107%
B	Tổng kim ngạch XNK	USD	782.695.100		517.387.864	66%
	- Xuất khẩu than	USD	36.000.000		32.726.564	91%
	- Xuất khẩu khác	USD			12.359.480	
	- Nhập khẩu than	USD	745.395.100		468.693.857	63%
	- Nhập khẩu VTTB	USD	1.300.000		3.607.963	278%
C	Chỉ tiêu về giá trị					
1.	Tổng doanh thu	Tr.đồng	23.071.600	17.064.400	16.450.909	96%
2.	GTSX tính lương	Tr.đồng	269.420		253.523	94%
3.	Lợi nhuận	Tr.đồng	73.000		99.671	137%
4.	Thu nhập tiền lương b/q	Tr.đồng	23.035		27.707	120%
5.	Nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đồng	theo quy định		1.429.679	
6.	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	%	tối thiểu 10%		tối thiểu 10% theo kế hoạch	

1.2. Thuận lợi và khó khăn trong hoạt động kinh doanh năm 2025

Khó khăn	Thuận lợi
- Chiến sự giữa Nga và Ukraina đã bước sang năm thứ 4, xung đột và cạnh tranh địa chính trị gay gắt đã ảnh hưởng tới chuỗi cung ứng toàn cầu, giá năng lượng, nguyên liệu, từ đó tác động đến chi phí sản xuất và sức cạnh tranh của Công ty. - Diễn biến thời tiết bất thường, lượng mưa bão năm 2025 nhiều hơn so với trung bình hằng năm đã ảnh hưởng đến công tác vận chuyển và tiêu thụ than, nhu cầu nhận than của các hộ nhiệt điện giảm nhiều so với kế hoạch trong khi sản lượng than tồn kho đầu năm 2025 vẫn cao. - Tỷ giá đồng đô la Mỹ biến động khó lường. - Mặt hàng vật tư nhập khẩu truyền thống bị cạnh tranh gay gắt. - Việc áp dụng khoa học công nghệ, xu hướng sử dụng AI đã làm thay đổi hiệu suất lao động của nhiều ngành nghề.	- Sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam. - Sự ủng hộ của các đối tác, các tổ chức tín dụng. - Đội ngũ cán bộ nhân viên có năng lực, có tinh thần trách nhiệm cao, luôn cố gắng nâng cao trình độ chuyên môn, áp dụng những cải tiến mới để nâng cao hiệu quả trong công việc.

1.3. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

a. Xuất nhập khẩu và chế biến kinh doanh than

- Than xuất khẩu uỷ thác:

Sản lượng than xuất khẩu uỷ thác năm 2025 đạt trên 210 nghìn tấn các loại, kim ngạch xuất khẩu than đạt 32,73 triệu đô la Mỹ, hoàn thành 105% kế hoạch sản lượng năm và bằng 231% so với thực hiện năm 2024. Sản lượng than xuất khẩu uỷ thác năm 2025 cao hơn năm 2024 là do Công ty đã được TKV giao thêm nhiệm vụ xuất khẩu than vào các thị trường TKV phụ trách.

- Than nhập khẩu:

Thực hiện chủ trương của Tập đoàn về việc đảm bảo đủ than nhập khẩu để pha trộn cấp cho các Nhà máy nhiệt điện, nên Công ty đã xây dựng kế hoạch và phương án sản lượng nhập khẩu than được giao ngay từ cuối năm 2024. Tuy nhiên do ảnh hưởng bất thường của thời tiết, các nhà máy nhiệt điện giảm sản lượng tiêu thụ than nên sản lượng than nhập khẩu năm 2025 chỉ đạt 4,72 triệu tấn, tương đương 468,93 triệu đô la Mỹ, hoàn thành 98% kế hoạch (điều chỉnh) sản lượng than nhập khẩu năm 2025 và bằng 105% so với năm 2024. Trong năm 2025, Công ty đã đấu thầu thành công nhập khẩu 277,48 nghìn tấn than Lào với giá trị 2,13 triệu USD.

- Than pha trộn:

Căn cứ mục tiêu của Chính phủ giao cho TKV, phát huy tốt vai trò chủ lực trong đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, đồng thời thực hiện chủ trương của Tập đoàn đẩy mạnh sản xuất, tăng sản lượng đáp ứng than cho nhiệt điện, nhưng do sản lượng thủy điện được phát tối đa công suất nên nhu cầu sử dụng than của các Nhà máy nhiệt điện giảm. Sản lượng than pha trộn giao nhiệt điện năm 2025 chỉ đạt 2,35 triệu tấn, tương đương với 102% kế hoạch (điều chỉnh) năm và bằng 112% so với năm 2024. Công

2,35 triệu tấn, tương đương với 102% kế hoạch (điều chỉnh) năm và bằng 112% so với năm 2024. Công ty luôn bám sát theo tỷ lệ phương án pha trộn và kế hoạch mà TKV giao, hàng tháng chủ động nguồn than vào pha trộn, chất lượng than pha trộn đạt tiêu chuẩn mà TKV đề ra.

- **Than nội địa tự doanh:**

Nhờ bám sát nhu cầu của khách hàng, nắm bắt thông tin kịp thời nên năm 2025 Công ty vẫn cung cấp được cho Formosa được 22,45 nghìn tấn than cám. Sản lượng than nội địa tự doanh cung cấp cho các khách hàng trong nước năm 2025 đạt 393,08 nghìn tấn, nâng tổng số than nội địa tự doanh của Công ty năm 2025 lên 415,53 nghìn tấn đạt 104% kế hoạch sản lượng năm và bằng 88% so với năm 2024 do sản lượng than cung cấp cho Formosa năm 2025 giảm khoảng 100 nghìn tấn so với năm 2024.

- **Công tác giao nhận than:**

Công ty thực hiện tốt công tác giao nhận than cho Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 1 và Vĩnh Tân 2, Duyên Hải 1 đảm bảo an toàn về số lượng và chất lượng than giao nhận giữa cảng xếp và cảng dỡ. Sản lượng than giao nhận năm 2025 đạt 4,93 triệu tấn, hoàn thành 107% kế hoạch năm, bằng 102% so với năm 2024.

b. Kinh doanh vật tư thiết bị

Lĩnh vực kinh doanh, nhập khẩu vật tư thiết bị tiếp tục gặp nhiều khó khăn như sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các đơn vị thương mại, những rào cản trong chính sách về đấu thầu, năng lực đấu thầu ngày càng thắt chặt, tình hình kinh tế trong nước khó khăn khiến các đơn vị sản xuất giảm sản lượng, tiết kiệm chi phí dẫn đến giảm mua sắm vật tư thiết bị... Kim ngạch nhập khẩu VTTB năm 2025 của Công ty đạt gần 3,61 triệu đô la Mỹ đạt 278% kế hoạch năm nhưng chỉ bằng 69% so với năm 2024.

c. Các ngành nghề kinh doanh khác

- **Xuất khẩu lao động:**

Sự cạnh tranh gắt gao của nhiều Công ty Xuất khẩu lao động khác trên thị trường Việt Nam, sự xuống giá của đồng Yên khiến việc tuyển dụng lao động rất khó khăn. Số lượng lao động xuất cảnh năm 2025 đạt 35 lao động; GTSX đạt 1,9 tỷ đồng, hoàn thành 100% kế hoạch năm. Hiện số lượng lao động Công ty đang quản lý làm việc tại Nhật là 148 lao động.

- **Kinh doanh cho thuê văn phòng:**

Năm 2025, Công ty thực hiện tốt công tác kinh doanh cho thuê văn phòng. Tính đến 31/12/2025, số lượng khách thuê tại Toà nhà 33 Trảng Thi – Hà Nội là 22 đơn vị, diện tích cho thuê là 4.548 m2 đạt tỷ lệ lấp đầy 90%. Tại Toà nhà 29-31 Đinh Bộ Lĩnh – Hồ Chí Minh diện tích cho thuê đạt 1.403 m2 tương đương tỷ lệ lấp đầy 81,67%. Công tác bảo dưỡng duy tu tòa nhà và chăm sóc khách hàng thực hiện đúng định kỳ nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ, giữ vững và tăng số lượng khách hàng thuê.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ%/VĐL
1	Phạm Minh	Giám đốc Công ty – Thành viên Hội đồng quản trị	33.968	0,31
2	Nguyễn Thùy Dương	Phó giám đốc Công ty	6000	0,05
3	Lê Thị Thu Trang	Phó giám đốc Công ty	76.608	0,70
4	Nguyễn Thị Quỳnh Ngân	Kế toán trưởng	16.500	0,15

2.2. Lý lịch trích ngang

- Ông Phạm Minh – Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty

- Họ và tên: **PHẠM MINH**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 18/06/1977
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh
- Trình độ ngoại ngữ: Cử nhân ngoại ngữ Tiếng Anh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Giám đốc Công ty, Thành viên Hội đồng quản trị.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
02/2000 – 12/2004	Công ty Xuất nhập khẩu và Hợp tác quốc tế (Coalimex)	Chuyên viên
01/2005 – 01/2006	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam (Coalimex)	Chuyên viên
01/2006 – 07/2007	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam (Coalimex)	Phó trưởng phòng
08/2007 – 02/2008	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – TKV (Coalimex)	Phó trưởng phòng
03/2008 – 07/2010	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu	Quyển trưởng phòng

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
	Than – TKV (Coalimex)	
08/2010 – 04/2015 04/2015 – 8/2016	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)	Trưởng phòng Phó Giám đốc Công ty
09/2016 - 07/2022	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)	Phó giám đốc Công ty, Thành viên Hội đồng quản trị
08/2022 đến nay	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)	Giám đốc Công ty, Thành viên Hội đồng quản trị

- Ông Nguyễn Thùy Dương – Phó giám đốc Công ty

- Họ và tên: **NGUYỄN THÙY DƯƠNG**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 05/6/1974
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/1996 – 10/2003	Công ty Xuất nhập khẩu và Hợp tác quốc tế (Coalimex)	Chuyên viên
11/2003 – 07/2007	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – TKV (Coalimex)	Phó trưởng phòng
08/2007 – 02/2019	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)	Trưởng phòng
03/2019 đến nay	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)	Phó giám đốc Công ty

- Bà Lê Thị Thu Trang – Phó giám đốc Công ty

- Họ và tên: **LÊ THỊ THU TRANG**
- Giới tính: Nữ

3. Ngày sinh: 24/07/1978
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
6. Trình độ ngoại ngữ: Cử nhân ngoại ngữ Tiếng Anh
7. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó giám đốc Công ty
8. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
9. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2000 – 08/2005	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam (Coalimex)	Chuyên viên
09/2005 – 06/2006	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam (Coalimex)	Phó trưởng phòng
07/2006 – 11/2009	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – TKV (Coalimex)	Trưởng phòng
12/2009 – 15/12/2019	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)	Kế toán trưởng Công ty
16/12/2019 – 31/03/2026	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)	Phó giám đốc Công ty

- Bà Nguyễn Thị Quỳnh Ngân – Kế toán trưởng Công ty

1. Họ và tên: NGUYỄN THỊ QUỲNH NGÂN
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 09/07/1976
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
6. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng Công ty
7. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
8. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/1998 – 10/2006	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam (Coalimex)	Chuyên viên

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/2006 – 14/12/2019	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)	Phó trưởng phòng
15/12/2019 đến 3/2024	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)	Trưởng phòng
4/2024 đến nay	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)	Kế toán trưởng

a. Những thay đổi trong Ban Điều hành trong năm 2025: Không

b. Số lượng CNVC-LĐ và chính sách đối với người lao động

- Tổng số lao động bình quân: 152 người.
- Chính sách đối với người lao động:

Hàng năm, người lao động trong Công ty được Công ty tổ chức cho đi bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ, ngoại ngữ... đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công việc;

Được Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ; cấp phát thuốc phòng bệnh; điều dưỡng, nghỉ mát...

Công ty luôn đảm bảo, tạo điều kiện để người lao động được tham gia, xây dựng và giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định nội bộ như quy chế thực hiện dân chủ, quy chế quản lý lao động tiền lương và trả lương, quy chế Thi đua - Khen thưởng...

Thực hiện đầy đủ đúng quy định của Nhà nước trong việc thực hiện các chế độ chính sách khác cho người lao động như chế độ hưu trí, bảo hiểm xã hội.v.v.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Theo kế hoạch đầu tư năm 2025, Công ty Coalimex triển khai thực hiện 02 dự án Nhóm C, tiến độ thực hiện các dự án cụ thể như sau:

a. Dự án: Đầu tư mua sắm thiết bị PVSX kinh doanh năm 2025. Dự án đã được phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại Quyết định số 157/QĐ-CLM ngày 19/9/2025.

b. Dự án: Đầu tư mua sắm thiết bị PVSX kinh doanh năm 2025:

- Công ty đã hoàn thiện công tác lập và phê duyệt Đề cương, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và đã ký hợp đồng với Nhà thầu cung cấp và lắp đặt thiết bị của dự án.

- Về khối lượng thực hiện của dự án: Đến ngày 04/12/2025 Nhà thầu đã cung cấp toàn bộ thiết bị của dự án về đến chân công trình. Dự kiến đến tháng 01/2026 sẽ nghiệm thu hoàn thành thiết bị đưa vào sử dụng.

c. Giá trị thực hiện đầu tư, giải ngân vốn đầu tư theo kế hoạch đầu tư năm 2025 điều chỉnh.

- Tổng giá trị thực hiện đầu tư năm 2025 là: 10.844 triệu đồng/11.271 triệu đồng = 96% Kế hoạch đầu tư năm 2025 điều chỉnh.

- Tổng giá trị thực hiện giải ngân vốn đầu tư năm 2025 là: 10.501 triệu đồng/10.927 triệu đồng = 96% Kế hoạch đầu tư năm 2025 điều chỉnh.

4. Tình hình tài chính

a. Chỉ số chung về kinh doanh

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2024 (đồng)	Năm 2025 (đồng)	Ghi chú
1	Tổng giá trị tài sản	1.348.341.662.126	1.720.607.779.447	
2	Doanh thu thuần	17.533.257.477.305	16.362.080.038.960	
3	Lợi nhuận từ HĐKD	161.703.779.394	71.434.648.768	
4	Lợi nhuận khác	30.549.153.608	28.236.088.131	
5	Lợi nhuận trước thuế	192.252.933.002	99.670.736.899	
6	Lợi nhuận sau thuế	148.834.097.057	75.614.486.373	
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.941	6.874	
8	Tỷ lệ trả cổ tức	20%	tối thiểu 10% theo kế hoạch	

- Vốn Điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2024: 110 tỷ đồng

- Vốn Điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2025: 110 tỷ đồng

- Vốn chủ sở hữu của Công ty tại 31/12/2025: 801 tỷ đồng

b. Các chỉ số tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Cuối năm (31/12/2025)	Đầu năm (01/01/2025)
I	Cơ cấu tài sản		
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	4,71%	5,98%
	Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	95,29%	94,02%
II	Cơ cấu vốn		
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	46,56%	55,92%
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	53,43%	44,08%
III	Đánh giá năng lực tài chính		
	Khả năng thanh toán tạm thời = Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,80 lần	2,16 lần
	Khả năng thanh toán dài hạn = Tổng Tài sản/Tổng nợ phải trả	1,87 lần	2,27 lần
IV	Tỷ suất sinh lời		
	Lợi nhuận trước thuế	99.671 tr.đồng	192.253 tr.đồng
	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	4,39%	11,04%
	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	22,23%	51,61%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

- Tổng số cổ phiếu phổ thông: 11.000.000 cổ phiếu
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành: Không
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 11.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại: Không

b. Cơ cấu cổ đông (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất ngày 20/03/2026)

Loại cổ đông	Số lượng (cổ đông)	Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông lớn	2	6.751.1760	61,38
Cổ đông nhỏ	187	4.248.240	38,62
Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân	189		
Cổ đông tổ chức	2	6.097.848	55,45
Cổ đông cá nhân	187	4.902.152	44,57
Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài	189		
Cổ đông trong nước	189	11.000.000	100
Cổ đông nước ngoài	0		
Cổ đông doanh nghiệp nhà nước và cổ đông khác	189		
Cổ đông doanh nghiệp nhà nước <i>Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam</i>	1	6.095.348	55,41
Cổ đông khác	188	4.904.652	44,59

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp: Không

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm, Công ty không có đợt tăng, giảm vốn điều lệ.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

Công ty đảm bảo quản lý nguồn nguyên vật liệu hiệu quả, tiêu thụ năng lượng, nước... tiết kiệm; Tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong năm 2025, Công ty không bị xử phạt về môi trường.

6.1. Tiêu thụ năng lượng

Trong năm 2025, tổng lượng điện năng tiêu thụ của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin là 964.411 kWh, với tổng chi phí tương ứng là 3.448.125.741 đồng. Nguồn điện được cung cấp từ đơn vị cung ứng điện lực theo quy định hiện hành. Việc sử dụng điện phục vụ cho các hoạt động vận hành văn phòng, kho bãi, và hệ thống logistics đã được công ty kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả. Chi phí năng lượng này được hạch toán vào giá thành sản phẩm, dịch vụ theo đúng quy định về kế toán và quản lý chi phí của doanh nghiệp.

6.2. Tiêu thụ nước

Trong năm 2025, tổng lượng nước sạch tiêu thụ của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin là 11.552 m³, với tổng chi phí tương ứng là 288.862.150 đồng. Nguồn nước được cung cấp từ đơn vị cấp nước quy định, phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt và vận hành tại trụ sở văn phòng và các cơ sở trực thuộc. Công ty đã triển khai các biện pháp quản lý và giám sát sử dụng nước hiệu quả, đảm bảo tiết kiệm chi phí và tuân thủ các quy định về sử dụng tài nguyên nước trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

6.3. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không
- b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.4. Chính sách liên quan đến người lao động

- a. Số lượng lao động (tại thời điểm 31/12/2025): 148 người; mức lương trung bình 27,7 triệu đồng/người/tháng.
- b. Chính sách tiền lương, thù lao, tiền thưởng

Các chính chế độ, chính sách, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với HĐQT, BKS, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, người lao động được thực hiện theo quy định của Pháp luật, quy chế, quy định của TKV và của Công ty.

Công ty thực hiện áp dụng Hệ thống thang, bảng lương của TKV theo Quyết định số 1999/QĐ-TKV ngày 28/10/2024 của TKV; chuyển xếp lương và thu nộp các loại hình bảo hiểm bắt buộc cho người quản lý, người lao động trong Công ty từ ngày 01/7/2024.

- c. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Hàng năm, Công ty tổ chức cho người lao động được khám sức khỏe định kỳ, đi nghỉ mát, điều dưỡng để phục hồi sức khỏe. Trang bị bảo hộ lao động cho người lao động.

Trong năm 2025, Các chế độ phúc lợi cho người lao động, chế độ khám sức khỏe định kỳ, nghỉ mát và các hoạt động phong trào văn hoá, thể thao.v.v. của Công ty luôn được lãnh đạo Công ty quan tâm chỉ đạo, Công đoàn phối hợp thực hiện đạt kết quả tốt.

d. Hoạt động đào tạo người lao động

Tổ chức cho người lao động tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn do TKV và các đơn vị có chức năng tổ chức. Tạo điều kiện cho người lao động tham gia học đại học, thạc sĩ ngoài giờ hành chính.

- Trong năm 2025, Công ty đã tổ chức đào tạo cho 240 lượt người lao động trong năm với tổng chi phí đào tạo là 634.129.965 đồng.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

6.5. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Thường xuyên hưởng ứng các hoạt động của địa phương, tham gia ủng hộ các hoạt động từ thiện, khó khăn do lũ lụt, dịch bệnh...do Ủy ban nhân dân phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội, TKV và các địa phương khác phát động. Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện chi cho công tác từ thiện xã hội là 3.278.000.000 đồng

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất

Năm 2025, Công ty cơ bản hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, nhiều chỉ tiêu sản lượng và lợi nhuận vượt kế hoạch, hiệu quả hoạt động được cải thiện. Tuy nhiên, một số chỉ tiêu về kim ngạch xuất nhập khẩu và doanh thu chưa đạt do lượng mưa bão năm 2025 nhiều hơn so với trung bình hằng năm đã ảnh hưởng đến công tác vận chuyển và tiêu thụ than, nhu cầu nhận than của các hộ nhiệt điện giảm nhiều so với kế hoạch trong khi sản lượng than tồn kho đầu năm 2025 vẫn cao, dẫn đến sản lượng tiêu nhập khẩu giảm, doanh thu và giá trị sản xuất cũng giảm theo. Nhưng nhờ thực hiện tốt công tác khoán quản trị chi phí nên lợi nhuận của công ty vẫn đạt 99,67 tỷ đồng, tương đương với 137% so với kế hoạch năm.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Tại ngày 31/12/2025, tổng tài sản của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin đạt 1.721 tỷ đồng, tăng 372 tỷ đồng so với đầu năm, trong đó một số chỉ tiêu chính tăng giảm như sau:

- Tiền và các khoản tương đương tiền: giảm 43 tỷ đồng;
- Các khoản phải thu ngắn hạn: tăng 334 tỷ đồng;
- Hàng tồn kho: tăng 82 tỷ đồng;
- Tài sản dài hạn: tăng 0,4 tỷ đồng.

Tài sản ngắn hạn tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản (khoảng 95%), phù hợp với đặc thù hoạt động thương mại than của công ty, phản ánh chủ trương kiểm soát tốt quy mô kinh

doanh, tập trung vào hiệu quả sử dụng vốn, đặc biệt là trong công tác quản lý hàng tồn kho và thu hồi công nợ. Hàng tồn kho chủ yếu là mặt hàng than, thường xuyên luân chuyển. Các khoản công nợ phải thu nằm trong hạn, ngoại trừ 1 khoản công nợ trị giá 4 tỷ đồng, được trích lập dự phòng phải thu khó đòi 100% giá trị. Tài sản dài hạn ghi nhận 81 tỷ đồng (chiếm khoảng 5% tổng tài sản), tăng nhẹ so với đầu năm, trong đó năm 2025 tài sản cố định tăng thêm 8,5 tỷ đồng, bất động sản đầu tư giảm 4,7 tỷ đồng do khấu hao.

Công ty duy trì mô hình hoạt động tinh gọn, hạn chế đầu tư tài sản dài hạn, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty, tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn lưu động. Công ty tiếp tục theo đuổi chiến lược sử dụng hiệu quả nguồn lực sẵn có, đảm bảo an toàn tài chính và thích ứng linh hoạt với diễn biến của thị trường.

2.2. Tình hình nợ phải trả

Tại ngày 31/12/2025, tổng nợ phải trả của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin là 919,4 tỷ đồng, tăng 325,1 tỷ đồng so với đầu năm, trong đó chủ yếu do tăng chi tiêu Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn. Đây là các khoản dư vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty (thanh toán tiền mua than, vật tư thiết bị kinh doanh) và chưa đến hạn trả nợ. Các khoản vay và thanh toán của công ty trong năm 2025 đều được trả đầy đủ và đúng hạn. Nợ dài hạn ở mức 7,2 tỷ đồng, không biến động đáng kể.

Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn tại các thời điểm của công ty đều >1 lần (tại 31/12/2025 là 1,8 lần), cho thấy hoạt động của công ty đảm bảo an toàn tài chính.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

3.1. Kế hoạch SXKD năm 2026:

Căn cứ định hướng kế hoạch chung toàn tập đoàn năm 2026, Công ty đã xây dựng kế hoạch SXKD và báo cáo tập đoàn. Ngày 12 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn đã có công văn số 7138/TKV-KH thông báo các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch PHKD năm 2026 của Công ty như sau:

TT	Các chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch PHKD 2026
1	Các chỉ tiêu sản lượng		
	- Than xuất khẩu uỷ thác	tấn	300.000
	- Than nhập khẩu	tấn	5.500.000
	- Than pha trộn	tấn	2.545.000
	- Than tự doanh	tấn	362.000
	- Than giao nhận	tấn	5.617.000
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	18.326.792
3	Giá trị sản xuất	Tr.đồng	372.769
4	Lợi nhuận	Tr.đồng	101.691
5	Thu nhập tiền lương b/q	ngh.đ/ng/th	24.846

Dự kiến Kế hoạch nêu trên sẽ được trình tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên 2026 được tổ chức vào ngày 24/4/2026.

3.2. Phương hướng thực hiện nhiệm vụ năm 2026

Với mục tiêu hoàn thành tốt những chỉ tiêu chủ yếu SXKD như trên, Công ty đã đề ra phương hướng, kế hoạch và những giải pháp thực hiện như sau:

Công tác sản xuất kinh doanh:

- **Công tác xuất khẩu uỷ thác than:** Giữ vững thị trường những khách hàng truyền thống như Hàn Quốc, Đài Loan, Indonesia cũng như các thị trường khác được TKV phân công.. và mở rộng tìm kiếm thị trường mới với mục tiêu xuất khẩu 300 nghìn tấn than trong năm 2026.
- **Công tác nhập khẩu than:** Với mục tiêu năm 2026 hoàn thành sản lượng 5,5 triệu tấn than nhập khẩu trong đó khoảng 1,25 triệu tấn than nhập khẩu đường bộ từ Lào, ngay từ cuối năm 2025, Công ty đã lên kế hoạch và phương án tập trung tìm kiếm chủng loại than có chất lượng phù hợp với nhu cầu thị trường và yêu cầu của TKV, tìm các giải pháp để nâng cao năng suất giao nhận than Lào, phối hợp với các ngân hàng trong nước để thực hiện tốt công tác tài chính.
- **Công tác pha trộn, chế biến than:** Tiếp tục nâng cao năng lực pha trộn để giao than vào các nhà máy nhiệt điện. Áp dụng pha trộn theo công nghệ mới để hoàn thành mục tiêu cung cấp 2,545 triệu tấn than pha trộn giao cho các nhà máy nhiệt điện.
- **Công tác giao nhận than:** Trên cơ sở kinh nghiệm, kết quả thực hiện trong công tác giao nhận tại Nhiệt điện Vĩnh Tân 1 và Vĩnh Tân 2, năm 2026 là năm thứ 2 Công ty được TKV phê duyệt công tác giao nhận than cung cấp cho nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 1. Mục tiêu là công ty sẽ hoàn thành tốt công tác giao nhận 5,6 triệu tấn than cung cấp cho các nhà máy nhiệt điện theo đúng với hợp đồng Công ty đã ký với TKV.
- **Công tác nhập khẩu kinh doanh VTTB:** Trên cơ sở sắp xếp lại đội ngũ cán bộ làm công tác kinh doanh VTTB trong năm 2025, Ban Giám đốc, các phòng quản lý tiếp tục nghiên cứu, đề xuất và có các giải pháp để hỗ trợ bổ sung công việc phù hợp cho các đơn vị này, phấn đấu hoàn thành kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận đã đề ra.
- **Công tác xuất khẩu lao động:** Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Nhà nước hiện hành. Tìm kiếm các đối tác mới để mở rộng thị trường lao động. Sử dụng và kinh doanh có hiệu quả một phần cơ sở đào tạo tại Yên Viên. Phối hợp chặt chẽ với đối tác nước ngoài để quản lý người lao động đang làm việc tại nước ngoài.
- **Công tác kinh doanh văn phòng:** Tăng cường quảng bá và tiếp thị tìm kiếm khách thuê mới để nâng cao tỷ lệ diện tích lấp đầy, đưa ra những giải pháp chăm sóc khách hàng để giữ chân khách hàng cũ. Quản lý, vận hành Tòa nhà đảm bảo hoạt động bình thường và hiệu quả, đảm bảo an toàn về an ninh và phòng cháy chữa cháy Tòa nhà. Bên cạnh công tác kinh doanh văn phòng cho thuê, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ đã được phân công, bộ phận kinh doanh văn phòng cần phải đưa ra các kế hoạch, phương án cho việc sử dụng, khai thác có hiệu quả khu đất tại Yên Viên.
- **Công tác khác:** Tiếp tục tìm kiếm và mở rộng thị trường với những lĩnh vực mới.

- **Phân đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2026:** Doanh thu đạt 18,33 nghìn tỷ đồng, lợi nhuận đạt 101,69 tỷ đồng, tiền lương bình quân từ 24,85 triệu đồng trở lên.

Công tác đầu tư:

- Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch đầu tư năm 2026 tại Quyết định số 249/QĐ-CLM ngày 26/12/2025, bao gồm 02 dự án cụ thể như sau:

Dự án Đầu tư mua sắm thiết bị PVSX kinh doanh năm 2026 - Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin.

Dự án Đầu tư cải tạo trụ sở Văn phòng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin.

- **Kế hoạch thực hiện đầu tư năm 2026:** 4.194 triệu đồng. Trong đó:

Thiết bị: 994 triệu đồng.

Chi phí khác: 3.200 triệu đồng.

Công tác quản lý

- Đẩy mạnh quan hệ với các ngân hàng, đáp ứng kịp thời vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh với chi phí hợp lý;
- Theo dõi chặt chẽ công tác quản lý tài sản, quản lý vốn và phối hợp với các phòng kinh doanh theo dõi công nợ, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn, thu hồi tiền hàng đúng hạn, không phát sinh nợ kéo dài, đảm bảo an toàn vốn.
- Thực hiện tốt quy chế khoán và xây dựng các giải pháp điều hành, quản trị doanh nghiệp an toàn - hiệu quả, trong đó tập trung quản trị tốt các định mức kinh tế kỹ thuật, tiết kiệm chi phí. Quản lý và đề cao ý thức tiết kiệm chi phí để nâng cao lợi nhuận.
- Tiếp tục rà soát đề sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định cho phù hợp với mô hình hoạt động của Công ty.
- Thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước đúng, đủ và đúng thời hạn.
- Tăng cường thực hiện tin học hóa – tự động hóa vào công tác sản xuất và quản lý của Công ty.
- Quan tâm đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực, tiếp tục triển khai đánh giá hiệu quả công việc theo KPI và trả lương theo vị trí việc làm để tăng cường hiệu quả công việc.
- Phối hợp với các cơ quan quản lý lao động để giải quyết các chính sách đối với Người lao động, duy trì thực hiện tốt chế độ phúc lợi và chăm sóc sức khỏe cho Người lao động.

Công tác chăm lo đời sống người lao động

- Thực hiện đúng đủ chế độ, chính sách cho người lao động đã cam kết trong Thỏa ước lao động tập thể, tạo điều kiện cho người lao động được khám bệnh, điều dưỡng, chăm sóc sức khỏe, học tập nâng cao trình độ học vấn, trình độ nghiệp vụ phù hợp với công việc và nhu cầu của Công ty.

- Tiếp tục tạo điều kiện để các tổ chức Đảng, Công đoàn, Nữ công, Đoàn Thanh niên tổ chức các chuyến tham quan, nghỉ mát, hoạt động sinh hoạt tập thể, nâng cao đời sống tinh thần cho CBNV trong Công ty.

4. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin luôn xác định rõ trách nhiệm trong việc phát triển bền vững, kết hợp giữa hiệu quả kinh doanh với việc tuân thủ pháp luật về môi trường, đảm bảo quyền lợi người lao động và đóng góp tích cực cho cộng đồng.

4.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Trong năm 2025, công ty đã triển khai hiệu quả công tác quản lý tài nguyên, sử dụng năng lượng và nước tiết kiệm, đồng thời tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Cụ thể, tổng lượng điện năng tiêu thụ trong năm là 964.411 kWh, với tổng chi phí 3.448.125.741 đồng; tổng lượng nước sạch tiêu thụ là 11.552 m³, với chi phí 288.862.150 đồng. Các nguồn cung cấp điện và nước đều được lấy từ các đơn vị phân phối chính thức theo quy định hiện hành

Việc tiêu thụ năng lượng và nước được công ty kiểm soát chặt chẽ, phục vụ hoạt động vận hành văn phòng, kho bãi và hệ thống logistics. Chi phí liên quan được hạch toán minh bạch theo quy định tài chính – kế toán. Trong năm 2025, công ty không có vi phạm và không bị xử phạt hành chính trong lĩnh vực môi trường, thể hiện sự tuân thủ nghiêm túc các tiêu chuẩn pháp luật về bảo vệ môi trường.

4.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Tính đến ngày 31/12/2025, công ty có 148 người lao động, trong đó: 04 người thuộc nhóm quản lý, 42 người thuộc khối chuyên môn – nghiệp vụ. Mức lương bình quân đạt 27,7 triệu đồng/người/tháng. Các chính sách về lương, thưởng, thù lao, bảo hiểm và chế độ phúc lợi đều được thực hiện đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn của Tập đoàn TKV.

Công ty đặc biệt quan tâm đến sức khỏe và phúc lợi người lao động: tổ chức khám sức khỏe định kỳ, nghỉ mát, phục hồi sức khỏe, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và duy trì các hoạt động văn hóa – thể thao nội bộ. Ngoài ra, trong năm 2025, công ty đã tổ chức 240 lượt tham gia đào tạo, với tổng chi phí 634.129.965 tỷ đồng, tạo điều kiện cho người lao động tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, cũng như học tập nâng cao trình độ đại học, sau đại học. Các chương trình đào tạo góp phần duy trì việc làm ổn định và hỗ trợ phát triển sự nghiệp cho người lao động.

4.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2025, công ty tiếp tục phát huy vai trò trách nhiệm xã hội thông qua các hoạt động từ thiện và hỗ trợ cộng đồng. Công ty đã tích cực tham gia và ủng hộ các chương trình thiện nguyện, cứu trợ thiên tai, hỗ trợ người nghèo do Ủy ban nhân dân phường Cửa Nam, Tập đoàn TKV và các địa phương khác phát động. Tổng số tiền công ty thực hiện cho công tác an sinh xã hội và từ thiện trong năm là 3.278.000.000 đồng. Thông qua những đóng góp thiết thực này, công ty khẳng định cam kết phát triển bền vững gắn liền với cộng đồng, thể hiện vai trò của một doanh nghiệp có trách nhiệm và nhân văn.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Về các mặt hoạt động của Công ty

Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025; Bảo toàn và phát triển vốn. Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế nội bộ của Công ty.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, không ghi nhận bất kỳ vi phạm nghiêm trọng nào trong kỳ. Chính sách trách nhiệm xã hội được triển khai hiệu quả thông qua các chương trình hỗ trợ cộng đồng thiết thực, góp phần nâng cao đời sống xã hội. Đồng thời, các chế độ phúc lợi dành cho người lao động được thực hiện đầy đủ và kịp thời, đảm bảo quyền lợi và tạo động lực làm việc cho cán bộ công nhân viên.

2. Về hoạt động của Ban giám đốc

Trong năm 2025, Giám đốc và các cán bộ quản lý đã hoàn thành tốt vai trò, nhiệm vụ điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Quy định, Nghị quyết của HĐQT và tuân thủ theo đúng phân cấp, quy định tại Điều lệ, quy chế của Công ty.

Đánh giá tổng thể, trong năm 2025, Giám đốc và các cán bộ quản lý đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, thực hiện có trách nhiệm và hiệu quả các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty định hướng và chỉ đạo Ban lãnh đạo Công ty thực hiện những công việc sau:

- Thực hiện các công việc trong nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thường niên 2025 phê duyệt.
- Xây dựng kế hoạch chuyển đổi số của Công ty năm 2025, định hướng đến năm 2030
- Tiếp tục hoàn thiện, sửa đổi bổ sung các quy chế nội bộ.
- Quản lý chặt chẽ chi phí và đề cao ý thức tiết kiệm chi phí để nâng cao lợi nhuận; cần có giải pháp giảm thiểu rủi ro về tỷ giá và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Nắm bắt cơ hội và đẩy mạnh hoạt động các lĩnh vực công ty có lợi thế trên cơ sở đảm bảo an toàn vốn.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu/đại diện	Tỷ lệ%/VĐL
1	Bùi Văn Tuấn	Chủ tịch	- Đại diện quản lý vốn của TKV tại Công ty:	- Đại diện quản lý vốn TKV tại Công

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu/đại diện	Tỷ lệ%/VĐL
			6.095.348 - Cá nhân:0	ty: 55,41% - Cá nhân:0
2	Nguyễn Mạnh Điệp	Thành viên	13.559	0,12
3	Trần Xuân Hòa	Thành viên độc lập	59.744	0,54
4	Phạm Minh	Thành viên	33.968	0,31
5	Ngô Văn Ca	Thành viên	0	0

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Công ty không có các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Thực hiện chức năng quản lý và giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và bộ máy giúp việc, HĐQT đã thực hiện đúng quyền hạn, nhiệm vụ được ghi trong Điều lệ của Công ty. Trong năm 2025, HĐQT có 29 cuộc họp và đã ban hành 32 Nghị quyết với các nội dung công việc chủ yếu Phụ lục I kèm theo:

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Tính đến 31/12/2025, HĐQT công ty có 01 thành viên HĐQT độc lập – đáp ứng yêu cầu về số lượng thành viên độc lập HĐQT theo quy định đối với công ty niêm yết; Thành viên HĐQT độc lập tham gia 100% các phiên họp trực tiếp, lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT trong năm 2025 và đưa ra những ý kiến đóng góp quan trọng vào việc xây dựng chiến lược hoạt động và phát triển của Công ty.

Ông Trần Xuân Hoà, với vai trò Thành viên HĐQT độc lập đã góp phần giám sát, tư vấn hoàn thiện cơ chế quản trị của Công ty, kiểm soát tài chính chặt chẽ và bảo vệ quyền lợi của cổ đông.

Đánh giá về hoạt động của HĐQT Công ty trong năm 2025, thành viên HĐQT độc lập nhận thấy:

- Các cuộc họp HĐQT được triệu tập và thực hiện với lịch trình cụ thể, tài liệu được chuẩn bị đầy đủ theo đúng quy định. Nội dung các cuộc họp được các thành viên HĐQT thảo luận và phản biện, đánh giá đầy đủ và cân trọng để đưa ra định hướng, giải pháp tốt nhất cho Công ty;
- Các vấn đề liên quan đến chiến lược kinh doanh, chiến lược tài chính, văn hóa doanh nghiệp đều được thảo luận, kiểm soát chặt chẽ;
- Các quyết định đầu tư vào dự án đều được nghiên cứu cân trọng, có cơ sở;
- HĐQT đã hoàn thành các công việc được giao với tinh thần trách nhiệm và tính chuyên nghiệp cao, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Ban kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ%/VĐL
1	Nguyễn Thị Lan Anh	Trưởng Ban kiểm soát	4.242	0,04
2	Bùi Thị Minh Thu	Thành viên Ban kiểm soát	52.515	0,48
3	Vũ Ngọc Minh	Thành viên Ban kiểm soát	0	0

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông giám sát HĐQT, Giám đốc Công ty trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định tại Điều lệ.
- Tổng số cuộc họp BKS 07 cuộc họp. Các nội dung gồm:

STT	Số BB	Ngày	Nội dung
1	01/BB-BKS	15/01/2025	Biên bản họp: Xây dựng Kế hoạch Ban kiểm soát năm 2025
2	02/BB-BKS	31/03/2025	Biên bản họp: Thông qua Biên bản thẩm định BCSXKD và BCTC năm 2024 và đề xuất công ty kiểm toán năm 2025, Thông qua các Dự thảo Báo cáo trình ĐHCĐ 2025,
3	03/BB-BKS	28/04/2025	Biên bản họp: Bầu Trưởng Ban Kiểm soát Công ty năm 2025
4	04/BB-BKS	29/04/2025	Biên bản họp: Phân công nhiệm vụ của từng thành viên trong Ban kiểm soát
5	05/BB-BKS	30/05/2025	Biên bản họp: thống nhất Kết quả làm việc quý I/2025
6	06/BB-BKS	29/08/2025	Biên bản họp: Thống nhất Biên bản giám sát 6 tháng 2025
7	07/BB-BKS	28/11/2025	Biên bản họp: Thống nhất Biên bản giám sát 9 tháng 2025

- Định kỳ hàng quý, Ban Kiểm soát đã tổ chức họp, đánh giá công tác tổ chức kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty, xây dựng kế hoạch hoạt động trong năm của Ban; số lượng thành viên tham gia đầy đủ, các cuộc họp đều có biên bản và đảm bảo tính thống nhất cao.
- Tham dự các cuộc họp của HĐQT; giám sát các hoạt động của HĐQT về việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT các quy chế qui định tổ chức hoạt động ở từng lĩnh vực cụ thể của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành.
- Giám sát hoạt động của Giám đốc điều hành thông qua việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch điều hành phối hợp kinh doanh hàng năm giữa Công ty và TKV, việc thực hiện các Nghị quyết của

HĐQT, các quy định của Giám đốc Công ty trong lĩnh vực thuộc quyền hạn của Giám đốc được quy định tại điều lệ Công ty.

- Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, HĐQT lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam - Chi nhánh Miền Bắc là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2025.
- Hằng quý, 6 tháng và cả năm, BKS thực hiện thẩm định báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính, để đánh giá các mặt hoạt động của Công ty theo quy định;
- Tham gia ý kiến việc xây dựng, sửa đổi bổ sung các quy chế của Công ty.
- Công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của BKS.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của HĐQT, Ban giám đốc và BKS

3.1. Lương, thưởng, thù lao và các lợi ích:

- Ban giám đốc chuyên trách hưởng lương
- Thành viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm hưởng phụ cấp kiêm nhiệm.
- Toàn bộ chi phí được hạch toán vào chi phí sản xuất của Công ty và được thể hiện tại Báo cáo tài chính năm của Công ty.
- Chi tiết về lương, thưởng, thù lao và các lợi ích của các thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách:

Stt	Chức danh kiêm nhiệm	Số người	Thực hiện năm 2025 (triệu đồng/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	1	61,68
2	Thành viên HĐQT	3	157,68
3	Trưởng ban KS	1	54,96
4	Thành viên BKS	2	105,12
	Tổng cộng	7	379,44

- Chi tiết về lương, thưởng, thù vào và các lợi ích của các thành viên độc lập HĐQT:

Stt	Chức danh	Số người	Thực hiện (triệu đồng/năm)
1	Thành viên độc lập HĐQT (Ông Trần Xuân Hoà)	1	262,80

- Chi tiết về lương, thưởng, thù vào và các lợi ích của các thành viên quản lý chuyên trách:

Stt	Chức danh	Số người	Số tháng	Thực hiện (triệu đồng/năm)	
				Bình quân /tháng	Tổng quỹ lương
1	Giám đốc	1	12	59,28	711,36
2	Phó giám đốc	2	12	52,56	1.261,44
3	Kế toán trưởng	1	12	48,00	576,00
	Tổng cộng	4			2.548,8

3.2. Các giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan năm 2025

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phần sở hữu đầu kỳ		Số cổ phần sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phần	Tỷ lệ	Số cổ phần	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thùy Dương	Người nội bộ Công ty	0	0%	6000	0,05%	Mua
2	Trương Quang Hiếu	Con đẻ bà Phạm Mai Lan – Thư ký Công ty	0	0%	800	0,007%	Mua
3	Nguyễn Thái Hà	Chồng bà Lê Thị Thu Trang (Phó Giám đốc Công ty)	218.801	1,99%	260.718	2,37%	Mua

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ (Phụ lục 02 kèm theo)

3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Công ty đã thực hiện đúng theo các quy định về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt

với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Toàn văn Báo cáo tài chính đã được Công ty công bố trên cổng thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 27/03/2026 tại đường dẫn: www.coalimex.vn. *T~*

Nơi nhận:

- UBCKNN, SGDCKHN;
- HDQT, BKS (b/c);
- P.KTTC, KTNB;
- Lưu: VT, TCHC, Tký Cty.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT *✓*

GIÁM ĐỐC



Phạm Minh

Phụ lục 01**Hoạt động của Hội đồng quản trị***(Kèm theo Báo cáo thường niên số 475/BC-CLM ngày 15/4/2026)*

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT	06/02/2025	Kế hoạch chuyển đổi số 2025, định hướng đến 2030	100%
2	02/NQ-HĐQT	06/02/2025	Kế hoạch phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực năm 2025	100%
3	03/NQ-HĐQT	19/02/2025	Hạn mức vay vốn 2025	100%
4	04/NQ-HĐQT	19/02/2025	Tổ chức Đại hội đồng đông 2025	100%
5	05/NQ-HĐQT	19/02/2025	Hệ số tài chính năm 2025	100%
6	06/NQ-HĐQT	19/02/2025	Thực hiện ký kết các hợp đồng, giao dịch với người liên quan	100%
7	07/NQ-HĐQT	06/3/2025	Định hướng kế hoạch 05 năm 2026 – 2030	100%
8	08/NQ-HĐQT	26/3/2025	Xây dựng kế hoạch 2025 và 2026-2030	100%
9	09/NQ-HĐQT	30/3/2025	Quyết toán quỹ tiền lương Công ty và Cán bộ quản lý	100%
10	10/NQ-HĐQT	18/4/2025	1/ Định hướng phát triển công ty giai đoạn 2026- 2030 2/ Phê duyệt nội dung trình Đại hội đồng cổ đông 2025	100%
11	11/NQ-HĐQT	28/4/2025	Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty	100%
12	12/NQ-HĐQT	09/5/2025	1/Phê duyệt chi thưởng Ban Quản lý điều hành 2024 2/ Phê duyệt kế hoạch sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi 2025 3/ Lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC 2025 của Công ty	100%
13	13/NQ-HĐQT	09/5/2025	Sắp xếp lại các đơn vị cấp 02 của Công ty	100%

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
14	14/NQ-HĐQT	09/5/2025	Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT	100%
15	16/NQ-HĐQT	27/5/2025	Cho phép cán bộ đi công tác nước ngoài (ông Ngô Văn Ca – thành viên HĐQT và bà Nguyễn Thị Quỳnh Ngân – Kế toán trưởng Công ty)	100%
16	16/NQ-HĐQT	9/6/2025	Ban hành quy định kinh doanh than và quy chế thi đua khen thưởng	100%
17	17/NQ-HĐQT	20/6/2025	Cho phép cán bộ đi nước ngoài (Ông Nguyễn Thùy Dương – Phó Giám đốc Công ty)	100%
18	18/NQ-HĐQT	01/7/2025	Phê duyệt kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2025; phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025	100%
19	19/NQ-HĐQT	18/7/2025	Cho phép cán bộ đi nước ngoài (Ông Ngô Văn Ca - TV HĐQT)	100%
20	20/NQ-HĐQT	06/8/2025	Cho phép cán bộ đi nước ngoài (Ông Phạm Minh – TV HĐQT, Giám đốc Công ty)	100%
21	21/NQ-HĐQT	18/8/2025	Xin ý kiến TKV về việc cử cán bộ đi công tác nước ngoài (Ông Phạm Minh – TV HĐQT, Giám đốc Công ty đi Đài Loan)	100%
22	22/NQ-HĐQT	19/8/2025	Phê duyệt phương án sử dụng con dấu của Công ty	100%
23	23/NQ-HĐQT	27/8/2025	1/ Cử cán bộ đi công tác nước ngoài (Ông Phạm Minh – TV HĐQT, Giám đốc Công ty đi Đài Loan); 2/ Thực hiện Chỉ thị số 301 của TKV về ứng dụng công nghệ thông tin và Chuyển đổi số.	100%
24	24/NQ-HĐQT	23/9/2025	Phê duyệt phương án và kế hoạch chấm dứt hoạt động của 02 chi nhánh và thành lập phòng kinh doanh mới	100%
25	25/NQ-HĐQT	10/10/2025	Bổ sung tên viết tắt tiếng Việt, tên đầy đủ và tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài của Chi nhánh Hà Nội	100%
26	26/NQ-HĐQT	26/10/2025	Thực hiện chỉ thị của TKV về tăng cường quản lý các hoạt động giao dịch đối ngoại, khánh tiết, hội nghị, tiếp tân	100%
27	27/NQ-HĐQT	30/10/2025	Tăng cường thực hiện quản lý rủi ro và giám sát, đánh giá đầu tư; Cho	100%

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			phép đồng chí Ngô Văn Ca - TV HĐQT đi công tác nước ngoài.	
28	28/NQ-HĐQT	10/11/2025	Cho phép cán bộ đi công tác nước ngoài (Giám đốc công ty tham gia đoàn công tác của TKV tại Nam Phi)	100%
29	29/NQ-HĐQT	01/12/2025	Triển khai kiểm điểm cán bộ năm 2025	100%
30	30/NQ-HĐQT	08/12/2025	1/ Phê duyệt nội dung và chương trình hội nghị tổng kết năm 2025 và hội nghị người lao động năm 2026. 2/ Ban hành các QC: ATVSLĐ, Thực hiện Quy chế Dân chủ tại cơ sở; 3/ Ban hành kế hoạch kiểm toán nội bộ 2026	100%
31	31/NQ-HĐQT	18/12/2025	1/ Tạm phê duyệt thưởng cán bộ quản lý năm 2025; 2/ Rà soát thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2025; 3/ Tạm phê duyệt kế hoạch đầu tư năm 2026; 4/ Tạm phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.	100%
32	32/NQ-HĐQT	31/12/2025	Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2025	100%

lll

Phụ lục 02

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

(Kèm theo Báo cáo thường niên số 475/BC-CLM ngày 15/4/2026)

Stt	Tên tổ chức	Mối quan hệ với Công ty	Số Giấy NSH	Địa chỉ trụ sở	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị hợp đồng
1	Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	Công ty Mẹ	Mã số DN: 5700100256; thay đổi lần 5 ngày 01/11/2024; Sở KH&ĐT TP HN	Số 3 Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, Hà Nội	năm 2025	- Than xuất khẩu: 210.768,96 tấn; trị giá 32.726.563,73 USD; - Than mua nội địa: 1.663.339,99 tấn; trị giá 2.751.874.286.329VNĐ;
2	Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả-Vinacomin	Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	5700100256-001	Tổ 93, khu 9B, Phường Cửa Ông, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	năm 2025	- Than nhập khẩu: 964.496,78 tấn; trị giá 2.842.817.485.307 VNĐ - Than chế biến pha trộn: 2.355.164,30 tấn; trị giá 6.022.267.934.943 VNĐ - Than giao nhận: 4.925.367,82 tấn; trị giá : 43.619.057.414 VNĐ; - Phí UT XK than: 3.181.891.851 VNĐ;
3	Công ty Chế biến than Quảng Ninh-TKV	Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	5700100256-061	Khu đô thị mới, Phường Cao Xanh, Tỉnh Quảng Ninh	năm 2025	- Than nhập khẩu: 1.308.267,50 tấn; trị giá: 3.784.888.944.989 VNĐ

Stt	Tên tổ chức	Mối quan hệ với Công ty	Số Giấy NSH	Địa chỉ trụ sở	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị hợp đồng
4	Công ty Cổ phần Kinh doanh Than Cẩm Phả - Vinacomin	Công ty con của Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam	5700526333	Số 170 đường Trần Phú, Phường Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	năm 2025	- Than nhập khẩu: 742.441,07 tấn; trị giá: 2.166.582.054.802 VNĐ
5	Công ty Tuyển than Hòn gai – Vinacomin	Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam	5700100256-002	Số 46 phố Đoàn Thị Điểm, Phường Hồng Gai, Tỉnh Quảng Ninh	năm 2025	Than nhập khẩu: 236.648,87 tấn; trị giá: 668.749.374.220 VNĐ
6	Công ty Kho vận Đá Bạc – Vinacomin	Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam	5700100256-037	Khu Tân Lập 2 phường Yên Tử, tỉnh Quảng Ninh	năm 2025	Than nhập khẩu: 46.945,39 tấn; trị giá: 130.784.226.636 VNĐ
7	Công ty cổ phần Cromit Cổ Định Thanh Hóa – TKV	Công ty con của Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam	2801007917	Số 338A, đường Bà Triệu, Xã Tân Ninh, Tỉnh Thanh Hóa	năm 2025	Than nhập khẩu: 295.913,69 tấn; trị giá: 884.294.651.977 VNĐ
8	Công ty Tuyển than Cửa Ông – TKV	Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam	Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam	Tổ 48, Khu 4B2, Phường Cửa Ông, Tỉnh Quảng Ninh	năm 2025	Vật tư: 1.311.228.000 VNĐ
9	Trung tâm cấp	Chi nhánh	5700100256-	Phường Hà	năm	

Stt	Tên tổ chức	Mối quan hệ với Công ty	Số Giấy NSH	Địa chỉ trụ sở	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị hợp đồng
	cứu mỏ - Vinacomin	Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	004	Tu, tỉnh Quảng Ninh	2025	Vật tư: 947.100.000 VNĐ
10	Công ty Than Quang Hanh - TKV	Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	5700100256-059	Số 302, đường Trần Phú, Phường Cẩm Phả, Quảng Ninh	năm 2025	Vật tư: 1.909.820.000 VNĐ
11	Công ty Than Uông Bí – TKV	Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam	5700100256-065	Tổ 17, Khu Trưng Vương 3, Phường Vàng Danh, tỉnh Quảng Ninh	năm 2025	Vật tư: 629.420.000 VNĐ
12	Công ty Than Khe Châm – TKV	Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam	5700100256-060	Tổ 4, Khu 6, Phường Mông Dương, tỉnh Quảng Ninh	năm 2025	Vật tư: 620.102.280 VNĐ
13	Công ty Than Hạ Long – TKV	Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam	5700100256-062	Số 38, Tổ 15, Khu 1B, Phường Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh	năm 2025	Phí TNVC: 68.264.418 VNĐ
14	Công ty cổ phần Than Hà Lâm – TKV	Công ty con của Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam	5700101637	Số 1, Phố Tân Lập, Phường Hà Lâm, tỉnh Quảng Ninh	năm 2025	Phí TNVC: 61.842.316 VNĐ

Stt	Tên tổ chức	Mối quan hệ với Công ty	Số Giấy NSH	Địa chỉ trụ sở	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị hợp đồng
15	Công ty than Nam Mẫu - TKV	Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	5700100256-058	Số 302, đường Trần Phú, Phường Cẩm Phả, Quảng Ninh	năm 2025	Vật tư: 8.259.084.000 VNĐ
16	Khách sạn Heritage Hạ Long- Vinacomin	Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam	5700100256-023	Số 88 đường Hạ Long, Phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh	năm 2025	Phí TNVC: 1.200.000 VNĐ
17	Công ty Than Hòn Gai – TKV	Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam	5700100256-063	Số 169 Lê Thánh Tông - Phường Hồng Gai - Tỉnh Quảng Ninh	năm 2025	Vật tư: 1.927.607.000 VNĐ
18	Công ty Than Mạo Khê – TKV	Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam	5700100256-030	Khu Dân Chủ, phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh	năm 2025	Vật tư: 984.665.000 VNĐ
19	Công ty cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin	Công ty con của Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam	5700101877	Số 969 đường Bạch Đằng, Phường Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh	năm 2025	Vật tư: 10.613.422.270 VNĐ
20	Công ty cổ phần Than Cao Sơn – TKV	Công ty con của Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản	5702053837	Tổ 1, Khu Cao Sơn 2- Phường Cửa Ông - Tỉnh Quảng Ninh	năm 2025	Vật tư: 98.636.940.000 VNĐ

Stt	Tên tổ chức	Mối quan hệ với Công ty	Số Giấy NSH	Địa chỉ trụ sở	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị hợp đồng
		Việt Nam				
21	Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu – TKV	Công ty con của Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam	5702162138	Số 42 Kim Đồng, Phường Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	năm 2025	Vật tư: 40.861.216.800 VNĐ
22	Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng – TKV	Công ty con của Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam	5800939133	Đường Phan Đình Phùng, tổ 15, xã Bảo Lâm 1, Tỉnh Lâm Đồng	năm 2025	Vật tư: 598.968.000 VNĐ
23	Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả- TKV	Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	0104297034-008	Tổ 4 Khu 4A, Phường Cửa Ông, Tỉnh Quảng Ninh	năm 2025	Vật tư: 33.349.442.500 VNĐ
24	Công ty Nhiệt điện Sơn Động- TKV	Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	0104297034-003	Tổ dân phố Đồng Rì, Xã Tây Yên Tử, Tỉnh Bắc Ninh	năm 2025	Vật tư: 3.968.000.000 VNĐ
25	Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại – Vinacomin	Công ty con của Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam	0100101298	Tầng 8, Tòa nhà Việt Á, Phố Duy Tân, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội	năm 2025	Vật tư: 1.786.400.000 VNĐ Dịch vụ: 1.626.816.000 VNĐ

Stt	Tên tổ chức	Mối quan hệ với Công ty	Số Giấy NSH	Địa chỉ trụ sở	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị hợp đồng
26	Chi nhánh đá quý Việt Nhật Vimico		0100103087-001	193 Nguyễn Huy Tường-Thanh Xuân Trung-HN	năm 2025	Hàng hóa: 490.000.000 VNĐ
27	Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và Công nghiệp – Vinacomin	Công ty con của Tập đoàn Công nghiệp than khoáng	0500237543	Số 565 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội	năm 2025	Phí dịch vụ: 263.537.922 VNĐ
28	Viện Cơ khí năng lượng và mỏ - Vinacomin	Công ty con của Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam	0100100632	565 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân, TP Hà Nội	năm 2025	Phí dịch vụ: 121.716.000 VNĐ
29	Công ty cổ phần Giám định –	Công ty con của Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam	5700100552	Số 55 Lê Thánh Tông, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh	năm 2025	Phí dịch vụ: 18.070.885.387VNĐ
30	Công ty Cổ phần Than Miền Nam Vinacomin	Công ty liên kết của Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam	0300383956	49 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Thành phố Hồ Chí Minh	Năm 2025	Phí dịch vụ: 1.192.056.899 VNĐ
31	Bệnh viện Than – Khoáng sản Việt Nam	Đơn vị hạch toán độc lập của Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản	5700100256-034	Số 01 Phan Đình Giót, TP. Hà Nội	Năm 2025	Phí dịch vụ: 424.332.592 VNĐ

Stt	Tên tổ chức	Mối quan hệ với Công ty	Số Giấy NSH	Địa chỉ trụ sở	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị hợp đồng
		Việt Nam				
32	Trường Quản trị kinh doanh-Vinacomin	Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam	5700100256-068	Số 25 Ngõ 46, Phố An Hòa, TP. Hà Nội	Năm 2025	Phí dịch vụ: 200.930.000 VNĐ
33	Trường Cao đẳng Than-Khoáng sản Việt Nam	Đơn vị hạch toán độc lập của Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam	5701740890	Số 8 Chu Văn An, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Năm 2025	Phí dịch vụ: 42.504.500 VNĐ